

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HS-ST
Ngày 30-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 130/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022, Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng số: 86/2022/TB-TA ngày 23 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Đỗ Văn H, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H1 và bà Đỗ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị V và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án, nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 2028/QĐ-UB ngày 09 tháng 9 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đưa Đỗ Văn H vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính); Bản án hình sự sơ thẩm số 182/2006/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2006, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Đỗ Văn H 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2013/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Đỗ Văn H 15 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt Đỗ Văn H 07 năm 06 tháng tù về tội:

“Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Vũ Quang L1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Quang H2, ông Đỗ Đình T1, anh Đỗ Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Nguyễn Thị N1 và anh Vũ Quang L1 (là con trai bà N1) đều ở Thôn 1, xã G, huyện T có đơn trình báo Công an xã G về việc gia đình bà bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản gồm một số thẻ cào điện thoại di động, 06 cây thuốc lá, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 01 sim điện thoại, 01 máy tính Macbook Pro và số tiền 17.000.000 đồng. Sau khi nhận được đơn trình báo, Công an xã G tiến hành điều tra, xác minh và thông qua phần mềm định vị đã xác định Đỗ Văn H là người đã lấy trộm tài sản của gia đình bà N1. Công an xã G đã lập biên bản và chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Văn H khai: Do không có tiền ăn tiêu nên nảy sinh ý định tìm nhà dân sơ hở rồi đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản bán để lấy tiền ăn tiêu. Để thực hiện ý định trên đêm ngày 13 tháng 7 năm 2022, H mang theo 01 đôi gang tay vải màu trắng và 01 khăn trùm đầu (dạng mũ chống nắng) rồi đi bộ từ nhà đến khu vực xã G, huyện T. Khi đến thôn 1, xã G, H phát hiện nhà dân ven đường (sau này biết là nhà bà Nguyễn Thị N1) cửa ban công tầng 3 đang mở. H đội khăn trùm đầu và đeo gang tay trèo lên ban công tầng 3 nhà bà Nhiều, sau đó H đi theo lối cầu thang xuống tầng 2 lấy được 01 máy tính xách tay trong ngăn kéo bàn trong phòng làm việc, H tiếp tục đi vào phòng ngủ (tầng 2) thấy anh Vũ Quang L1 đang ngủ, H lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax đang sạc trên đầu giường và toàn bộ số tiền trong ví màu đen tại ô kệ tủ quần áo rồi đi xuống tầng 1 nhà bà N1 lấy 04 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long (màu vàng và màu đỏ), 02 cây thuốc lá nhãn hiệu “555” trong tủ sắt dưới chân cầu thang. H tiếp tục đi vào phòng ngủ cạnh cầu thang, thấy bà N1 đang ngủ, dưới nền nhà có 01 túi xách màu đen, H lục túi lấy số tiền khoảng 5.000.000 đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau và một số thẻ cào điện thoại. H lấy 01 túi nilon màu đen cho những tài sản vừa chiếm đoạt được vào rồi đi theo lối cũ tẩu thoát. Trên đường về nhà H đã vứt khăn trùm đầu và gang tay ở mương nước thuộc xã G, huyện T.

Đến khoảng 09 giờ ngày 14 tháng 7 năm 2022, H mang máy tính và điện thoại di động đến quán điện thoại gặp anh Đỗ Văn C để mở khóa. H cho ông

Nguyễn Quang H2, 02 cây thuốc lá 555 và cho ông Đỗ Đình T1 02 cây thuốc lá Thăng Long màu vàng. H không nói cho anh C, ông H2, ông T1 biết là tài sản do phạm tội mà có; 02 cây thuốc lá Thăng Long màu đỏ, số thẻ điện thoại và tiền H đã ăn tiêu và sử dụng hết. Khoảng 18 giờ cùng ngày, biết hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, H đã nhờ C đưa điện thoại và máy tính cho bà Đỗ Thị L (là mẹ đẻ của H) mang trả và bồi thường cho gia đình bị hại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, dung lượng 128GB trị giá 13.800.000 đồng, 01 máy tính Macbook Pro, dung lượng 256GB trị giá 14.000.000 đồng, 01 sim điện thoại cấp lại trị giá 20.000 đồng, 02 cây thuốc lá Thăng Long màu vàng trị giá 260.000 đồng, 02 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu đỏ trị giá 400.000 đồng, 02 cây thuốc lá nhãn hiệu “555” trị giá 600.000 đồng, 19 thẻ cào nhiều mệnh giá trị giá 1.990.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 31.070.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn H khai: Vào ngày 13 tháng 7 năm 2022, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị N1, anh Vũ Quang L1 như nội dung nêu trên. Bị cáo xác định số tiền mất bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N1 số tiền khoảng 10.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Vũ Quang L1 số tiền khoảng 7.000.000 đồng. Lý do tại Cơ quan điều tra bị cáo khai chỉ chiếm đoạt của bà N1 số tiền khoảng 5.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh L1 số tiền khoảng 1.000.000 đồng là do sau chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo không kiểm đếm nên bị cáo không nhớ, bị cáo xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đúng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bà N1 số tiền 10.000.000 đồng, bồi thường cho anh L1 số tiền 7.000.000 đồng.

Công bố lời khai của các bị hại bà Nguyễn Thị N1 và anh Vũ Quang L1 khai về tình tiết sự việc phù hợp với lời khai bị cáo Đỗ Văn H đã khai tại phiên tòa. Về số tiền bị mất qua kiểm tra lại bà N1 mất số tiền 10.000.000 đồng, anh L1 mất số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra bà Đỗ Thị L đã bồi thường cho bà N1 và anh L1 70.000.000 đồng, số tiền này bà N1 và anh L1 đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Bà N1 chỉ yêu cầu bồi thường số tiền bị mất là 10.000.000 đồng, còn các tài sản khác bà không yêu cầu bị cáo H bồi thường. Anh L1 đã được cơ quan Công an trả lại 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax và 01 máy tính Macbook Pro, anh yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Bà N1 và anh L1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị L có mặt khai, sau khi bị cáo H chiếm đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo đã nhờ anh Đỗ Văn C đưa điện thoại và máy tính cho bà để bà trả cho bị hại và tác động gia đình bồi thường cho các bị hại. Bà đã mang máy tính, điện thoại trả cho anh L1 và tự nguyện bồi thường cho các bị hại số tiền 70.000.000 đồng. Bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền bà đã thay bị cáo bồi thường cho các bị hại, số tiền bồi thường còn thừa bà yêu cầu được nhận lại.

Công bố lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Quang H2, ông Đỗ Đình T1, anh Đỗ Văn C khai phù hợp với lời khai của bị cáo và các bị hại.

Tại Cáo trạng số 142/CT-VKSTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 10.000.000 đồng, bồi thường cho anh Vũ Quang L1 số tiền 7.000.000 đồng. Bà Đỗ Thị Lh đã bồi thường thay cho bị cáo Đỗ Văn H số tiền 70.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 4640 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Nên chi trả cho bà N1 số tiền 10.000.000 đồng, chi trả cho anh L1 số tiền 7.000.000 đồng, trả lại cho bà L số tiền 53.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Đỗ Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận định giá tài sản, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Ngày 13 tháng 7 năm 2022, bị cáo Đỗ Văn H đã có hành vi lợi dụng sơ hở, đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị N1 tại thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, lén lút chiếm đoạt các tài sản gồm 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax có gắn 01 sim điện thoại, 01 máy tính Macbook Pro và số tiền 7.000.000 đồng của anh Vũ Quang L1; chiếm đoạt 04 cây thuốc lá Thăng Long, 02 cây thuốc lá 555, 19 thẻ cào điện thoại và số tiền 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị N1. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 48.070.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Văn H đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ

luật Hình sự. Nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố và đề nghị áp dụng đối với bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Đỗ Văn H có 02 tiền án đã được xóa án tích, có 01 tiền án chưa được xóa án tích, có 01 tiền sự đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nên bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Văn H có một tiền án chưa được xóa án, nay bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, do vậy bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn H thành khẩn khai báo, sau khi bị phát hiện việc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản gồm 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax có gắn 01 sim điện thoại, 01 máy tính Macbook Pro cho anh Vũ Quang L1, anh L1 không yêu cầu gì về các tài sản đã trả lại nên Tòa không giải quyết.

[8.1] Đối với 01 khăn trùm đầu, 01 đôi gang tay bị cáo sử dụng khi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo khai sau khi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo đã vứt xuống mương nước, Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm kiếm, nhưng không thu hồi được.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Nguyễn Thị N1, anh Vũ Quang L1 có quan điểm yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho các bị hại bà Nguyễn Thị N1 số tiền 10.000.000 đồng, anh Vũ Quang L1 số tiền 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền trên. Bà Đỗ Thị L1 đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 4640 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, nên chỉ trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 10.000.000 đồng, chỉ trả cho anh Vũ Quang L1 số tiền 7.000.000 đồng, trả lại cho bà Đỗ Thị L số tiền 53.000.000 đồng.

[9.1] Bà Nguyễn Thị N1 không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị thuốc lá, thẻ cào điện thoại; bà Đỗ Thị L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho bà số tiền 17.000.000 đồng bà đã thay bị cáo bồi thường cho các bị hại nên Tòa án không giải quyết.

[10] Về vấn đề khác: Trong vụ án này, các ông Nguyễn Quang H2, Đỗ Đình T1 được bị cáo H cho thuốc lá, anh Đỗ Văn C nhận sửa điện thoại và máy tính cho bị cáo, được bị cáo nhờ đưa điện thoại, máy tính cho bà L để bà L trả lại cho gia đình bà N1. Ông H2, ông T1, bà L, anh C đều không biết đồ vật, tài sản trên do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Đỗ Văn H tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589; Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chi trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng, chi trả cho anh Vũ Quang L1 số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, trả lại cho bà Đỗ Thị L số tiền 53.000.000 (Năm mươi ba triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 4640 ngày 06 tháng 12 năm 2022 bà Đỗ Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Đỗ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện KSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan CSĐTCAH Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Phòng PV 06 CATP; Phòng PC 10 CATP;
- Sở Tư pháp HP; Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trương Minh Huế**

